TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1023/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2017
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Ngọc Trang
2. Bà Hồ Thị Thanh Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 660/2017/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2017 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 505/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1982
Thường trú: đường Q, khu phố S, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: Đường S, khu phố S, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Tá B, sinh năm 1983
Thường trú: Tổ H, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
Tạm trú: Đường S, khu phố S, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ L trình bày:

Bà Võ Thị Mỹ L và ông Bùi Tá B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 20/12/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Cách nay 03 năm, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, Ông B thường xuyên đi nhậu, sau đó về nhà chửi mắng đuổi vợ con ra khỏi nhà. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với Ông B.

Về con chung: Bà L và Ông B có 01 con chung tên Bùi Vũ Gia B, sinh ngày 25/10/2014. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Bùi Tá B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 20/12/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không đến mức phải ly hôn. Tại Tòa, Ông B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên Ông B không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông B và bà L có 01 con chung tên Bùi Vũ Gia B, sinh ngày 25/10/2014. Trường hợp phải ly hôn, Ông B đồng ý giao con chung tên Bùi Vũ Gia B cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu Ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Tại phiên tòa:

Bà Võ Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Tá B, nguyên nhân là do Ông B thường xuyên đi nhậu với bạn bè, mỗi lần nhậu về vợ chồng đều phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Sau khi bà L khởi kiện ra Tòa án thì tuy Ông B có nhậu ít hơn nhưng mỗi lần nhậu về vợ chồng vẫn cãi vã và Ông B cũng không cùng chia sẻ việc chăm sóc con với bà L. Ngoài mâu thuẫn về việc này ra thì vợ chồng không có mâu thuẫn nào khác; Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Vũ Gia Bảo, sinh ngày 25/10/2014, không yêu cầu Ông B cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Bùi Tá B không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, Ông B tha thiết mong bà L thay đổi ý kiến, cùng Ông B đoàn tụ gia đình, cho con có một gia đình đầy đủ cả cha và mẹ, Ông B cam kết sẽ bỏ rượu, không nhậu nữa. Việc Ông B không chia sẻ việc chăm sóc con là do công việc của Ông B làm thợ xây, đi làm từ sáng đến tối, nhưng đến ngày nghỉ Ông B vẫn cùng vợ chăm sóc con. Trường hợp phải ly hôn, Ông B đồng ý giao con chung tên Bùi Vũ Gia B, sinh ngày 25/10/2014 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, Ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2. Về nội dung: Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, mục đích hôn nhân còn đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ L về việc ly hôn với ông Bùi Tá B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Võ Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Tá B. Theo Kết quả xác minh của Công an phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông Bùi Tá B hiện đang cư trú tại Đường S, khu phố S, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về nội dung:

Bà Võ Thị Mỹ L và ông Bùi Tá B tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 197 quyển số 01 ngày 20 tháng 12 năm 2012. Do đó, căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Mỹ L và ông Bùi Tá B là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tại Tòa án, tuy bà Võ Thị Mỹ L vẫn yêu cầu ly hôn nhưng ông Bùi Tá B tha thiết mong bà L cho cơ hội hàn gắn quan hệ vợ chồng vì Ông B đã hiểu và thông cảm với những vất vã của vợ, Ông B cam kết sẽ bỏ rượu, ông mong vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng nhau chăm sóc con.

Điều này cho thấy, ông Bùi Tá B có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng, bản thân Ông B đã nhận thấy lỗi lầm của mình, cam kết sẽ khắc phục, không tái hiện lỗi lầm đã mắc phải, hiện Ông B hàng ngày chỉ đi làm, về nhà lo cho gia đình, cùng chia sẻ việc nhà và chăm sóc con với vợ, không còn thường xuyên đi nhậu, bỏ mặc vợ con. Hơn nữa, con chung còn nhỏ cần có sự quan tâm, chăm sóc của cả cha và mẹ để con có đầy đủ điều kiện phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần. Ngoài ra, phía bà L cũng xác định ngoài mâu thuẫn về việc thường xuyên đi nhậu của Ông B ra thì vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác, đồng thời, bà L cũng không chứng minh được Ông B có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Võ Thị Mỹ L và ông Bùi Tá B chưa thật sự trầm trọng, có thể hàn gắn quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân còn đạt được nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Mỹ L.

Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Mỹ L nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm, bà Võ Thị Mỹ L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 54, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ L về việc ly hôn với ông Bùi Tá B.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0015706 ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Mỹ L và ông Bùi Tá B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Châu